



### *Tôn-Nữ Mai - Tâm*

Em nhớ anh... nhớ vòng tay khép chặt  
Cùng ánh mắt thăm thẳm lặng nhìn em...

Mọi sự được sắp xếp đầu vào đó trước khi anh rời đơn vị. Hoàng Mai, tạm gác công việc bận rộn qua một bên trong một thời gian, xin nghỉ phép ít lâu, để ra Huế gặp người yêu.

Vì muốn giữ cho không khí sinh hoạt của đơn vị

được diễn tiến bình thường, anh không cho đơn vị biết mình đi đâu, cũng không cho bất cứ sĩ quan thân cận nào hiểu rõ lý do anh đi phép. Riêng Uyển Nhi thì lại cẩn thận hơn, chỉ mong mọi việc được diễn ra êm đềm trong suốt thời gian anh ra thăm để nàng có thể hưởng được những giờ phút thoải mái bên người yêu, bù lại những lúc chờ đợi và căng thẳng mà nàng đã chịu đựng trong những ngày tháng qua.



Giờ phút này nghĩ đến Uyển Nhi, anh nhớ nàng...

*Em Uyển Nhi, một ngày phải xa em yêu... thật là dài và đầy nhung nhớ...*

Người tài xế đưa Hoàng Mai ra phi trường Cù Hanh ở Pleiku, một phi trường quân sự nằm đối diện với những ngọn đồi đầy cỏ xanh, gần núi Hàm Rồng, nơi có cơ sở của quân đội Mỹ cùng đài radar trên đỉnh.

## Phi Trường Cù Hanh - Pleiku

Phi trường rộng lớn. Vào năm 1968, Pleiku được xem như “*thành phố lính*”, vì đã là lính, ai mà không một lần ghé đến Pleiku! Có lẽ vì vậy mà phi trường Cù Hanh giữ một vị trí quan trọng trong thời chiến, với những dãy nhà màu trắng được xây cất đặc biệt bằng xi măng, nằm san sát bên nhau, nơi những chiếc phi cơ nằm chờ im lặng bên trong.

Bước xuống xe, anh đi thẳng vào phòng khách để



đội chuyên bay ra Đà Nẵng. Khoảng một giờ sau, chiếc phi cơ chở anh cùng một số quân nhân Mỹ cất cánh. Phi cơ đảo một vòng lầy cao độ trước khi rời vùng an toàn, một không gian được bảo đảm không có nguy hiểm nào từ dưới đất có thể bắn lên phi cơ khi còn bay ở độ thấp.

Phi cơ lên cao dần, bỏ lại phía sau khung cảnh chiến tranh của

phi trường với đủ loại máy bay nằm im lìm trong các ụ xi-măng, cùng toà nhà trắng của Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn II và những Dãy phố đậm màu đất đỏ của thành

phố "đi dăm phút đã trở về chôn cũ", "*Pleiku gió bụi mưa bùn*", và ngọn núi Hàm Rồng với đỉnh núi bằng phẳng. Tất cả đang xa dần, xa dần, phía dưới phi cơ là màu xanh của núi rừng bát ngát. Máy bay như lao dần vào những đám mây trắng rồi mất hút.

Dựa đầu vào ghế, mắt lim dim, Hoàng Mai ngẫm nghĩ lại khoảng thời gian những năm qua về cuộc đời lính của mình. Anh đã được trui rèn ở trường VBQGVN, không chỉ riêng về quân sự và văn hóa, mà bao gồm các lĩnh vực quan trọng, liên quan đến Tổ-Quốc, Danh-Dự và Trách-Nhiệm của một cấp chỉ huy để bảo vệ tổ quốc trong thời chiến.



*Anh ơi! Lúc các anh đi dạo quanh Đà Lạt, chắc có nhiều cô ngưỡng mộ các anh lắm.*

*Riêng anh, có hình ảnh người đẹp nào đi vào tim anh chưa?*

*Lúc đó em còn ở mãi tận Huế...*

Anh tự hỏi mình đã làm được gì cho tổ quốc trong những ngày đã qua, cho thời gian hiện tại, và còn gì nữa cho những ngày sắp tới?

Sau bốn năm trui rèn ở trường VBQGVN, anh ra trường với cấp bậc Thiếu úy ở tuổi thanh xuân đầy nhiệt huyết. Hoàng Mai và 14 bạn khác được chọn đi binh chủng BĐQ.

Với chiếc mũ nâu oai phong, bụi đời và lãng mạn -theo Uyên Nhi nghĩ- các vị sĩ quan trẻ tuổi đã hãnh diện cùng nhau đi dạo hồ Xuân Hương và phố Đà Lạt -hẳn các anh ai cũng có ít nhiều những kỷ niệm mộng mơ của thời sinh viên- trước khi về trình diện BCH/BĐQ ở Saigon, để rồi mỗi người được phái đi một hướng, khắp 4 vùng Chiến Thuật.

Dấn thân vào đời binh nghiệp với binh chủng Biệt Động Quân, xông pha ngoài chiến trận, sát cánh cùng những anh em chiến sĩ mũ nâu, cận kề với sự sống và cái chết, vào sinh ra tử, hầu xây đắp một tương lai tươi sáng hơn cho đất nước Miền Nam thương yêu.

Kể từ ngày ấy, những vị sĩ quan trẻ tuổi cùng xuất thân dưới mái trường mẹ phân tán ra khắp Miền Nam VN yêu dấu. Từ đó, mỗi người đều rất bận rộn với vai trò của mình, luôn đối diện với những bất ngờ và hiểm nguy của chiến trường lúc đó.

Phần nhiều các anh nắm những chức vụ chỉ huy đơn vị, nên anh em chỉ gặp nhau mỗi năm một lần trong Ngày Hội Ngộ Khóa 16 được tổ chức tại Saigon vào ngày 22 tháng 12 hằng năm, nếu không bận hành quân hay công tác quan trọng nào khác buộc họ phải vắng mặt.

Các anh, ai cũng cố gắng sắp xếp, chu toàn mọi công việc, mong được về Sài Gòn để có thì giờ vui chơi ở thành phố hoa lệ vài hôm, hàn huyên vui đùa bên những



người bạn thân thiết. Đời binh nghiệp sống chết cận kề nên tình bạn càng quý và thâm sâu hơn. Bên nhau họ kể lại nhiều kỷ niệm khi còn ở chung dưới mái trường mẹ.

Nhớ những lúc, khi nhận được thư người yêu, các SVSQ đã hãnh diện khoe âm với nhau. Đọc cho nhau nghe nhiều đoạn mùi mẫn trong thư để các bạn khác phải... thèm và ganh tỵ! Không có chuyện gì là bí mật với đám thanh niên trẻ tuổi độc thân vui tính này. Thiệt là may cho Uyên Nhi, đã yêu Hoàng Mai khi anh không còn ở chung cùng các SVSQ trong trường VBQGĐL nữa, nên không ai biết gì đến mối tình thâm thiết của anh và nàng.

Họ cùng cười vang khi nhắc đến những bạn có chữ viết đẹp, được các bạn khác “*thuê*” viết thư tình tán bô dùm mình. Nhiều khi một bức thư được chép ra nhiều bản sao, chỉ cần thay tên là... xong! Các vị đó rất được bạn mình o bế và được trả công bằng những... gói kẹo nuga thơm ngọt.

Các anh đa số đều có bạn gái lúc đang đi học, nên khi ra trường phần nhiều các anh lập gia đình ngay, và nay đã có vài con. Riêng Hoàng Mai, anh thua xa các bạn về vấn đề này, tốt nghiệp đã sáu năm, đã là Tiểu Đoàn Trưởng TD 11 BĐQ, mà anh vẫn còn cu ki một mình.

Hoàng Mai, sau một thời gian hơn 2 năm ở đơn vị, anh đã là Tiểu đoàn Phó Tiểu Đoàn 34 BĐQ. Khi đơn vị đang hành quân ở vùng Đức Hoà, Đức Huệ, thì được cử đi học Khoá Tham Mưu Trung Cấp ở Trường Chỉ Huy Tham Mưu tại Đà Lạt. Tại đây trong thời gian này, cuộc sống tình cảm của anh bắt đầu có nhiều thay đổi.

Được hưởng một thời gian ưu đãi, sáu tháng xa chiến trường, không nghe tiếng súng, và lại được trở về nơi đã đào tạo mình thành cấp chỉ huy hơn 2 năm về trước, anh cảm thấy sung sướng vô cùng khi được nhìn lại những

khung cảnh mộng mơ với khí hậu trong lành mát mẻ của Đà Lạt -thành phố văn hóa và du lịch của đất nước miền Nam.

Thời gian này đánh dấu giai đoạn hạnh phúc và đẹp nhất của đời anh, Hoàng Mai đã gặp và yêu Uyên Nhi –cô gái Huế với ánh mắt đen long lanh, lặng lẽ ngược nhìn anh sau những sợi tóc đen dài rũ xuống, làm tim anh chới với- ngay tại xứ hoa anh đào đầy mộng mơ, nơi nàng mới tập tễnh bước chân vào ngưỡng cửa Đại Học Chính Trị Kinh Doanh.

Sau 6 tháng, khi xong khóa học, Bộ Chỉ Huy BĐQ Trung Ương cho anh hai lựa chọn: Đi Mỹ học bổ túc thêm, hay ở lại để cầm Tiểu Đoàn, và Hoàng Mai đã quyết định ở lại VN.

Thuyên chuyển lên vùng 2, một thời gian khá lâu sau anh được chỉ định làm Tiểu Đoàn Trưởng TĐ11 BĐQ, hậu cứ nằm ở Pleiku. Đây là một thành phố toàn xe Jeep và lính, một thành phố nhỏ “*đi dăm phút đã về chón cũ*”, phần nhiều mọi người đều như biết nhau,



*“Phố xá không xa, nên phố tình thân...”*

Trong khoảng thời gian này, anh cảm thấy cuộc đời mình đen tối, lẻ loi nhất. Sống trong một thành phố đèo heo hút gió, đất đỏ tung mù khi xe chạy ngang, trời mưa đường lầy lội đầy bùn, anh không có lấy một người bạn thân. Hơn nữa, lòng anh đang tan nát, cô đơn hụt hẫng vì thiếu nàng. Mọi cố gắng để xây đắp tương lai cho anh và nàng đã trở nên vô nghĩa, bởi Uyên Nhi đã âm thầm rời xứ hoa Anh Đào để trở về Huế.

Uyên Nhi, lần đầu biết yêu, đã phải chia tay anh. Vì không chịu đựng được nỗi buồn của sự xa cách, lòng nàng sụp đổ tan nát, hồn như chìm vào vực sâu của sự cô đơn. Lòng trống vắng, hoang mang, chàng đã đi xa, dấn thân vào trận chiến của đất nước ở một nơi xa tít mù khơi, mà nàng chưa hề nghe và biết đến bao giờ, quá xa lạ cho người con gái xứ Huế. Những câu hỏi nghi ngờ vang lên trong đầu nàng: *“Em có còn gặp anh nữa không?”*. Chung quanh nàng, đâu đâu cũng phảng phất hình ảnh anh yêu, khiến nỗi nhớ càng menh mông, như chìm nàng xuống vực sâu của sự nhớ nhung cùng tận.

Xa anh lần đó đã ảnh hưởng sâu đậm trên cuộc sống nàng. Uyên Nhi, đã như người mất hồn, thần thờ, tim nàng đã rướm máu khi lần đầu phải xa người yêu, nàng đã gục ngã thật sự...

Lần sau cùng Hoàng Mai ghé Đà Lạt thăm người yêu, anh thẳng thốt đau buồn khi nghe các cô bạn kể lại nàng không còn ở Cư Xá Thông Reo nữa, mà đã về Huế với gia đình. Uyên Nhi rời Đà Lạt như chạy trốn, không để lại một lời nhắn nào cho anh! Cũng không ai biết khi nào nàng lại trở lên...

Trong phút chốc cuộc đời anh đổi thay. Điều đó đã làm cuộc sống anh như mất hướng. Mất nàng như bỗng dưng anh mất tất cả! Lòng anh tràn ngập thất vọng lẫn



buồn đau. Anh nhớ lại những lần nàng than thở trong những lá thư gửi cho anh:

*“Anh ơi! Em đang đau buồn đây. Anh có hiểu cho em không? Anh có hiểu cho em khi yêu anh mà không được nói chuyện cùng anh, yêu anh mà phải sống xa anh...”*

Anh không thể nghĩ rằng việc xa anh đã làm cho người yêu bé nhỏ quá đau khổ như vậy! Anh thật không ngờ... cho đến khi mất nàng. Nỗi buồn làm hồn anh tê tái. Nay anh mới hiểu được nỗi đau mà lâu nay người yêu phải chịu... vì yêu em mà anh không được nói chuyện với em. Anh nhớ giọng nói của em, anh muốn nhìn em cười, và úp mặt lên mái tóc đen mềm... Bây giờ anh mới thông cảm với nỗi buồn của em thì đã quá muộn...

Anh không trách nàng, bởi nàng còn quá ngây thơ với cuộc đời, luôn nhìn đời bằng cặp mắt màu hồng, nuôi tình yêu bằng những mộng ước bên người mình yêu. Nàng chưa thể hiểu được tình yêu thời chiến đầy những hy sinh cho nhau. Anh ở trong một guồng máy, mà anh không thể làm gì khác hơn.

***...Em có biết không? Những điều tốt đẹp nhất trên thế gian không thể nhìn thấy bằng mắt mà phải cảm thấy bằng con tim...và...cả tâm hồn!***

Nay, anh tự trách mình. Đã lâu lắm rồi, tình yêu anh dành cho Uyển Nhi chỉ tuôn tràn qua những lá thư xanh gửi cho nàng. Ngoài ra, anh không có dịp ghé thăm người yêu. Nàng luôn phải đợi chờ. Tình yêu lính là tình yêu xa cách... một cuộc sống rày đây mai đó. Một người con gái mới bước chân vào ngưỡng cửa Đại Học, như nàng, chưa thể hiểu để chịu đựng một tình yêu đầy những chia ly như vậy...

Hoàng Mai trở về Pleiku với nỗi lòng trống vắng,

chán chường, cuộc sống trở nên vô nghĩa. Anh cố xoa dịu niềm đau, giữ cho mình thật bận rộn để đầu óc bớt suy nghĩ, tim bớt nhớ nhung. Những đêm dài, sau giờ làm việc anh đã tìm quên nơi vũ trường Phượng Hoàng cùng các... , với tiếng nhạc hòa trong khói thuốc lá, ngày này qua tháng nọ.

Nhưng khi đêm đến, một mình trở về trong căn phòng nhỏ, cô đơn, anh đã nhớ nàng quay quắt. Anh không thể tự đánh lừa mình, anh không thể quên nàng. Sự nhớ nhung như gặm nhấm hồn anh.

Anh nhớ tiếng nói nhẹ như hơi thở, nhớ ánh mắt tha thiết của người con gái Huế mà anh đã yêu với hết trái tim mình. Thời gian xa nàng cũng đã hơn hai năm, có điều gì đã ngăn cản khiến anh để thời gian trôi qua lâu như vậy?

Niềm đau mất nàng đã làm anh như con chim bị đạn, tim anh vẫn còn rỉ máu bởi vết thương của lần cuối đi tìm nàng ở Cư Xá Thông Reo... Việc Uyên Nhi trở về Huế đã như mũi tên xuyên qua tim anh. Hoàng Mai sợ anh sẽ gục ngã nếu như lần này đến Cư Xá tìm mà không còn nàng ở đó, có nghĩa là anh sẽ mất nàng vĩnh viễn...

Với hình ảnh nàng đầy ắp tim mình, Hoàng Mai quyết tâm vượt ra khỏi những suy nghĩ đã làm anh chùn bước lâu nay. Anh phải đối diện với thực tế, dù có gì đi nữa...

***Nhiều đêm anh đã thức trắng, để suy nghĩ đến một điều rất thật, và đau khổ nhất, rằng: cuộc sống không như anh mơ tưởng... yêu nàng tha thiết, chân thành mà vẫn phải chia tay!...***

Không chịu đựng nổi niềm đau đó, vì càng cố tìm quên lại càng nhớ, lấy hết can đảm, anh nhất quyết đi tìm nàng một lần cuối... cho dù tim anh có vỡ vụn tan

tàn. May thay, Trời còn thương anh. Uyển Nhi đã trở lên Đà Lạt, vẫn ở tại Cư Xá Thông Reo cùng các bạn.

Thảng thốt, không nói nên lời, Uyển Nhi gục đầu trên vai anh, để những giọt nước mắt rơi xuống thấm ướt áo anh. Xa nhau với bao đổi thay. Hơn hai năm không gặp, nhưng trong nơi sâu thẳm của trái tim, có phút giây nào mà Uyển Nhi không nhớ đến Hoàng Mai! Vòng tay khép chặt của người yêu đã xóa đi những ngăn cách của thời gian xa vắng. Nhưng, điều hạnh phúc và quan trọng nhất... là anh đã đi tìm nàng thật đúng lúc và... chưa quá trễ...

Nghĩ lại Hoàng Mai giật mình, anh thầm cảm tạ Thượng Đế. Nếu lúc trước anh quyết định đi Mỹ thì làm sao có được ngày hôm nay! Làm sao có cơ hội gặp lại Uyển Nhi? Mà chắc chắn giờ này nàng đã ở rất xa vòng tay của anh...

Lần này anh sốt ruột, mong mau đến Huế để được gặp nàng. Anh lo lắng mình đã quá chậm trễ, sợ Uyển Nhi không kiên nhẫn chờ anh lâu hơn, nhất là bên cạnh, mẹ nàng hay thúc hối. Thời gian yêu nhau bốn năm hơn, thật chín mùi, và quá lâu cho nàng phải đợi chờ anh.

Tim anh như thất lại khi nghĩ nàng đang ở gần một ai đó, và đang đi lang thang mà không có anh ở cạnh. Bàn tay nàng có chờ chiếc nhẫn của anh không? Có phải nàng đã đợi anh quá lâu chẳng?

Hoàng Mai biết rõ lòng mình...

***Anh đã tìm được tình yêu chân thật , mà có lẽ mỗi đời người chỉ có 1 lần. Lần đó... hạnh phúc gần vượt khỏi tay anh, nay anh phải nắm thật chắc, giữ lấy hạnh phúc của đời mình.***

Những năm qua chiến trường luôn sôi động khiến cuộc sống anh bị cột chặt với đơn vị. Anh luôn sát vai cùng các anh em binh sĩ vào sinh ra tử, từ chiến trường

này qua chiến trường khác. Nơi tiền tuyến cách rất xa chôn hậu phương, xứ hoa anh đào mà nàng đang theo học, nên Hoàng Mai ít có dịp ghé thăm nàng như lòng anh mong ước.

Giờ ngồi đây trên máy bay, giữa khoảng trống không chút bận rộn, Hoàng Mai cảm thấy yêu nàng tha thiết. Anh thương nàng đã chịu đựng nỗi buồn xa cách triền miên hơn là niềm vui đơn giản của người con gái mới biết yêu. Ánh mắt thơ ngây của nàng đã trở nên buồn xa vắng, khiến lòng chàng xôn xang, chính anh, sự xa cách nhớ nhung người yêu cũng làm hồn anh tê tái.

Em có biết không?

Ký ức đẹp bên nhau của *anh và em* mãi không thể xóa nhòa, mà chỉ lớn mạnh *theo thời gian...*

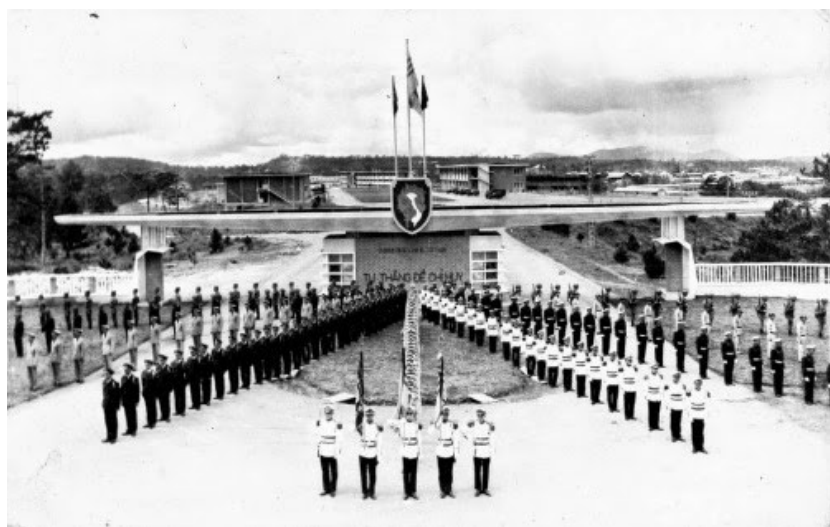
*Em yêu! Anh ám lòng vì biết chắc có em đợi chờ anh, dù em đang ở thật xa anh! Khoảng cách sẽ không là gì, nếu chúng ta yêu nhau thật lòng, em nhé!*

Hoàng Mai hồi hộp, Anh sắp gặp nàng trên đất Thần Kinh. Đây là lần đầu anh được nhìn thấy xứ Huế, xứ mà anh được biết rất nhiều qua những bài hát, những bài thơ, sách vở ca tụng xứ Huế. Nhất là cô gái Huế với tiếng nói mà anh không thể quên, dù có xa nàng bao lâu đi nữa.

Một cảm giác khó tả xâm chiếm hồn anh, lần này anh “đột kích” đi thăm nàng với một kế hoạch thật liêu lĩnh trong đầu. Anh cảm thấy vừa lo lắng, lại vừa hân hoan. Nhưng... liệu mình có đạt được kết quả như anh hằng mơ ước không? Anh tin chắc Uyên Nhi sẽ nghe theo những điều anh căn dặn, và sẽ đợi anh.

Sân bay quân sự Đà Nẵng 1968. Những chiến đấu cơ F-105 của không quân Mỹ đang đậu từng hàng trên sân bay

Hoàng Mai chạnh nhớ tới những vị sĩ quan dưới



quyền thân thiết, nhớ TĐ 11 BĐQ đang nghỉ dưỡng quân sau một cuộc hành quân dài ở vùng Đức Cơ. Tương tự như những lần trước, đơn vị anh phải tái tiếp tế bốn lần, mỗi lần được trực thăng chở vào cho đơn vị năm ngày lương khô, mỗi lần như vậy đơn vị phải di chuyển ngay sau khi nhận thực phẩm để đề phòng địch pháo kích, vì vị trí ít nhiều đã bị lộ.

Miên man với những ý nghĩ về tình yêu và chiến trường, anh như được kéo về thực tại khi thấy vùng biển màu xanh dương ló dạng ở chân trời. Hít một hơi thở thật sâu, anh nghĩ tới những giờ phút sắp đến... anh nhớ đôi mắt người yêu mà đã khá lâu anh không được nhìn.

Chắc Uyên Nhi sẽ vui lắm khi gặp lại anh. Còn mẹ nàng thì sao? Hoàng Mai cảm thấy lo lắng. Người mà anh thầm kính trọng, kể từ khi anh tình cờ được Uyên Nhi cho đọc bức thư bà gửi cho nàng hai năm trước, với lời lẽ yêu thương của người mẹ và cương nghị của người cha.

Anh thầm nghĩ nàng có phước khi có được người mẹ



đáng kính như vậy. Khi ba nàng nằm xuống, bà đã luôn hướng dẫn và chăm sóc các con, trong hoàn cảnh thật chật vật, khó khăn của một mẹ và sáu con thơ, với đứa đầu mới học lớp nhì, và đứa út còn trong bụng mẹ.

***Em yêu, anh nhớ em, nhưng chỉ một thời gian ngắn nữa thôi, anh sẽ đến bên em và ôm em thật chặt...***

Máy bay đáp xuống phi trường Đà Nẵng, một phi trường rất rộng lớn và hiện đại, đầy những chiến đấu cơ phản lực của không quân Mỹ đậu thành từng hàng trên sân bay. Bước vào phòng khách phi cảng, Hoàng Mai bốc điện thoại gọi ngay cho Huy, người bạn cùng khóa đang đảm nhiệm chức vụ Liên Đoàn Trưởng LD1 BÐQ đóng tại Đà Nẵng. Trong Quân Đội và Binh Chung thì anh Huy là xếp của Hoàng Mai, nhưng trong tình bạn đồng khóa thì anh Huy lúc nào cũng sớt sắng và chân tình với bạn.

Là một trong 15 người chọn binh chung BÐQ khi ra trường, anh Huy nổi tiếng về tính can đảm khi xung trận, tài điều quân khi phối trí và điều động các đơn vị ở chiến trường. Các Tiểu Đoàn Trưởng trong đơn vị của anh cảm phục anh, và cấp trên ở Quân Đoàn luôn tin tưởng anh trong các chiến dịch lớn nhỏ. Anh luôn chiến đấu rất hăng say với tấm lòng đầy nhiệt huyết.

Điện thoại reo, đầu giây bên kia có tiếng trả lời "*Trung tá Huy, tôi nghe*".

Sau khi nhận ra tiếng nói của Hoàng Mai, anh Huy ngạc nhiên và vui mừng, anh đã cho xe ra ngay phi trường đón bạn mình vào BCH Liên Đoàn để chuyện trò. Thật may cho Hoàng Mai, vì Liên Đoàn đang nghỉ dưỡng quân sau một thời gian dài hành quân vùng An Lão.

Lâu không gặp nhau, xe vừa ngừng thì anh Huy đã chạy ra tay bắt mặt mừng đón Hoàng Mai. Cũng khoảng

vài năm chưa gặp lại nhau, người nào nhìn cũng rần rởi, cương nghị, khác hẳn với nét thư sinh của sĩ quan trẻ tuổi lúc mới ra trường. Hai người bạn cùng khóa, cùng



binh chủng BÐQ nên dễ thông cảm nhau. Câu chuyện của họ nổ như bắp rang, hết chuyện chiến trường đến chuyện bạn bè kẻ còn người mất, rồi qua chuyện cá nhân.

Hoàng Mai đã bị thương trong chiến trận, đã hy sinh một phần cơ thể cho đất nước thân yêu, nhưng khi gặp lại Huy, mới biết trên người của bạn mình cũng đầy những dấu vết ghi lại những kỷ niệm của những lần đụng độ đã qua.

Hoàng Mai thầm cảm tạ ơn Trên đã che chở cho người bạn mà anh hằng quý mến, để ngày hôm nay, hai người còn có dịp gặp lại nhau, tay bắt mặt mừng, vui cho tình bạn cùng học chung dưới mái trường mẹ, giờ này còn được nhìn thấy nhau, thật còn gì quý hơn!

Khi biết mục đích chuyến đi của Hoàng Mai, anh

Huy đã vui mừng ra mặt:

Có vậy mới được chứ!

Anh Huy đã vỗ vai bạn rồi rót rượu chúc mừng. Hai người cùng nâng ly, vui với hiện tại của mình. Còn tương lai thì cả hai chỉ biết kỳ vọng mọi sự đều được bình ổn trong sự hỗn loạn của thời buổi chiến tranh. Hoàng Mai biết anh Huy rất bận, và chính mình cũng đang nóng lòng gặp người yêu, nên nói:

Thôi, vui với bạn chừng đó đủ rồi. Cho mình ra Huế trước khi trời tối vì còn phải đi tìm phòng ngủ nữa, để dịp khác mình lại gặp nhau sau.

Trước khi từ giã, anh Huy căn dặn Hoàng Mai :

Để mua liên lạc với Thanh Thiên, nó là Thiếu Tá TĐT Tiểu Đoàn 3 của Trung Đoàn 54 có hậu cứ ở Long Thọ, ven biên của thành phố Huế.

Cùng là người bạn đồng khóa, anh Thiên mới xong khóa tu nghiệp ở Fort Benning về, và vì nhu cầu chiến trường, Tướng Ngô Quang Trưởng đã chuyển anh về Trung Đoàn 54 của Sư Đoàn 1, và ngay sau đó anh được bổ nhiệm về chỉ huy Tiểu Đoàn 3.

Vừa nghe điện thoại của anh Huy, anh Thiên đã vui mừng chào hỏi, và sau đó anh Huy trao điện thoại cho Hoàng Mai. Từ ngày ra trường Hoàng Mai chưa có dịp gặp lại anh Thiên, vì hai người ở khác Bình Chủng và lại khác cả Vùng Chiến Thuật, nhưng Hoàng Mai không bao giờ quên SVSQ Nguyễn Thanh Thiên và SVSQ Nguyễn Kỳ Nguyên. Hai người bạn có gương mặt sáng sủa, đẹp trai trong bộ Jaspé dạo phố mùa đông, và mỗi Chúa Nhật cả hai cùng hay ghé vào hai nhà nằm cạnh nhau trên con đường dốc Minh Mạng...

Minh Mạng và Duy Tân là hai con đường đã ghi lại biết bao dấu giày của SVSQ K16 “đi lên đi xuống” vào những ngày Chúa Nhật, vậy mà chỉ có hai chàng Thanh

Thiên và Kỳ Nguyên là có chỗ nghỉ chân! Sau này, khi ra trường, cả hai anh đều trở thành con rể của hai gia đình nằm trên đường Minh Mạng này.

Nguyên đã bị Việt Cộng thẩm sát cùng với khoảng trên 5 ngàn người khác tại Huế trong dịp Tết Mậu Thân đợt một vào đầu năm nay. Trong thời gian này, chính Uyên Nhi yêu dấu của anh cũng bị kẹt lại Huế trong nỗi kinh hoàng, khiến lòng Hoàng Mai lúc đó nóng như lửa vì lo cho tính mạng của người yêu sẽ bị chiến tranh cướp mất.

*Anh ơi! Anh còn nhớ không?* Cũng trong khung cảnh dầu sôi lửa bỏng của Mậu Thân đợt một, anh đã đặt Bộ Chỉ Huy Tiểu Đoàn 11 BĐQ ở Domain De Marie, để điều động các cánh quân giải tỏa thành phố Đà Lạt khỏi sự chiếm đóng của Cộng Quân trong đợt tổng công kích của Cộng Quân, và Uyên Nhi đã được gặp lại người yêu sau những ngày kinh hoàng khi kẹt lại ở Huế. Sau đó một lần nữa không lâu, Uyên Nhi luôn nhớ cây cầu nhỏ Ông

Đạo và con đường dốc hướng về Nhà Thờ Con Gà dẫn đến Tiểu Khu, nơi anh nằm dưỡng thương trong lần đem TĐ11 BĐQ trở lại để giải tỏa áp lực của Cộng Quân vào thành phố Đà Lạt trong dịp Mậu Thân đợt hai năm 1968, mà Uyên Nhi đã đi trong giá lạnh với trời mù sương vào buổi sáng mai để đến thăm anh.

Nơi đây, với bàn tay bị thương đang băng trước ngực, tình yêu dạt dào trong lòng, chàng và nàng đã đi bên nhau biết bao nhiêu lần trên khúc đường có cây cầu nhỏ nổi tiếng của Đà Lạt, với ba ngã rẽ đầy ắp tình yêu.

Bên kia cầu, rẽ trái là con đường đầy thông dẫn đến Nhà Thủy Tạ màu trắng với bao kỷ niệm đầy ắp tim chúng mình, với hình ảnh nàng lung linh sau ly cà phê bốc mùi thơm ngạt ngào. Rẽ phải là con đường dẫn đến



Tiểu Khu vun đây những ngày hạnh phúc khi anh nằm dưỡng thương sau hai lần chết hụt, có cô y tá sinh viên



Chính Trị Kinh Doanh thăm viếng và chăm sóc.

Còn bên này cầu, con đường vòng quanh hồ Xuân Hương, với những hàng thông đã là nhân chứng cho những lời thì thầm yêu thương mà mình đã trao cho nhau. Và, trong những lúc này Uyên Nhi luôn dựa đầu vào vai người yêu, ôm lấy cánh tay anh, lặng lẽ bước trong nỗi vui buồn lẫn lộn, vì thời gian gần bên anh có giới hạn, sự chia ly luôn rình rập, sẵn sàng để đưa anh đi... Bên nhau cả hai như chỉ nhìn thấy nhau, đã bao lần họ không muốn đếm thời gian nữa...

Tiếng cười của anh Huy làm Hoàng Mai giật mình:

Lại mơ mộng nhớ nàng nữa rồi! Thiên nó muốn nói chuyện với bạn kìa.

Khi nghe tiếng Hoàng Mai và biết được chàng có một "*sứ mạng cao cả*" tại Huế, Anh Thiên mừng rỡ và hứa sẽ lo cho chàng thật chu đáo. Có lẽ ngoài tình bạn đồng khóa, anh Thiên còn có "*tình đồng hương xứ Huế*" với Uyên Nhi chẳng? Hơn nữa, Chị Hương và Uyên Nhi cũng đã gặp nhau vài lần ở Đà Lạt, lúc đó chị đã có cháu bé.

Những năm học ở xứ hoa anh đào, ngày cuối tuần, Uyên Nhi hay ghé chơi ở quán chè số 47 đường Minh Mạng kế bên nhà chị Thiên Hương. Đây là nhà của Ái Hiếu, cháu của Uyên Nhi, một hoa khôi của khóa 9 Chính Trị Kinh Doanh, khóa đàn em sau này, với cặp mắt to đen, nước da trắng, đôi má đỏ hồng của gái Đà Lạt, đã làm tim nhiều chàng khóa đàn anh "*ngắt ngư con tàu đi*" một thời.

Trước khi chia tay, anh Huy lấy trong túi áo ra một bao thư, vỗ vai Hoàng Mai, và trao cho chàng:

Mừng bạn cưới vợ. Gì mà giờ này mới chịu lập gia đình! Người ta thì con cái đùm đê rồi...

Ngay sau đó, anh Huy cho tài xế đưa Hoàng Mai về

Huế, đến thẳng khách sạn Hương Giang, là nơi mẹ và dì anh từ Sài Gòn ra, đang đợi anh ở đó.

Những ngày ở đây, vì anh Thiên rất bận với trách nhiệm của đơn vị trong lúc chiến trường đang gay gắt, nên hai người bạn chỉ gặp nhau trên máy truyền tin. Lúc đó Tiểu Đoàn của anh Thiên đang hành quân trong một khu Núi Rậm.

Dù bận rộn như vậy, nhưng anh Thiên đã tận tình giúp đỡ. Anh cho hậu cứ biệt phái hẳn chiếc xe Jeep cùng tài xế của chính mình cho Hoàng Mai dùng làm phương tiện di chuyển trong suốt thời gian chàng ở Huế.

Hoàng Mai biết ơn anh Thiên rất nhiều, vì nhờ đó mà anh cũng không đến nỗi "*quá đơn sơ*", khi đi thi hành "*sứ mạng cao cả*" mà lại cứ phải cuộc bộ thì tội cho Uyển Nhi biết mấy! Và cũng nhờ đó mà Hoàng Mai được dịp ghi lại nhiều hình ảnh kỷ niệm của thời điểm quan trọng này tại xứ Huế.

Thật cảm động và đáng quý biết bao cho tình bạn thâm sâu của những chàng trai Đa Hiệu cùng xuất thân ở trường VBQGVN, họ chân tình đối xử với nhau, không chỉ ngoài trận tuyến mà ngay cả những lúc ở hậu phương. Đã từng vào sinh ra tử nhiều lần, nên càng quý tình bạn với nhau hơn.

Hoàng Mai sẽ ngỡ ngàng biết bao, nếu không có hai người bạn – anh Huy và anh Thiên- Đặc biệt là anh Thiên trong lúc này, đã giúp Hoàng Mai tận tình trong lúc quanh anh, nơi xứ Huế đặc biệt, quá xa lạ không có ai quen, ngoài Uyển Nhi, người em yêu quý của anh...

Còn tiếp....



# CÂU CHUYỆN VƯỢT BIỂN TỪ THỦ ĐÔ SAIGON

*LÊ THANH TÙNG*

(tiếp theo từ số 50 và hết)

## **4- TRANG BỊ CHO CHUYẾN RA KHƠI.**

Thuyền bè, máy móc đã lắp ráp xong, bây giờ phải tìm mua các vật dụng cần thiết cho việc ra đi, các món không thể thiếu:

Hải bàn, hải đồ, thức ăn, nước uống 300 lít, 3 trái xi-nhan, dầu chạy máy khoảng 300 lít, dự trữ 100 bịch gạo sấy, 100 ký củ đậu, thêm khẩu K54, 2 băng đạn để thủ thân.

Vì phải giữ kín, các thứ trên do một mình tôi lo liệu, riêng khẩu K54 và 2 băng đạn cùng 3 trái xi-nhan, do người anh họ Hà, gọi mẹ tôi là cô mua dùm, anh này và tôi không biết nhau, vì năm 1954, tôi theo gia đình di cư vào Nam tìm tự do, ngày 02.05.1975, anh Hà Văn Cường, cán bộ Thương Nghiệp được cử vào Saigon công tác, anh Cường đã tìm đến nhà mẹ tôi, tôi được nhắn về chào người anh em, vừa thấy tôi, anh nói ngay, chú mày là Sĩ Quan mà sao không đi, ở lại, đòn thù sẽ giáng xuống không lâu đâu, đúng như người anh họ đã nói, chúng lưu dụng tôi đến tháng 6.1976, buộc nghỉ việc để đi kinh tế mới.

Tôi đóng một cái hộp để cất khẩu súng trên ghe, và chỉ một mình tôi biết chỗ cất súng. Anh Hà Văn Cường còn giúp tôi nhiều việc khi tôi nhờ đến, anh chẳng sợ hậu quả nếu việc bị đổ bể. Tôi cũng cho anh ấy biết, tôi đang tổ chức để ra đi, anh hoàn toàn đồng ý với quyết định của tôi, chỉ khuyên tôi thật cẩn thận và tinh táo để qua mặt “bọn công an” Phường, Khóm.

Hải đồ mua chỗ quen tại khu quận 5, hải bàn phải đến xem tại chỗ, loại của Hải Quân VNCH giá 1 lượng vàng lá.

Tôi cho cất đôi 3 thùng phi 200 lít, hàn bằng mặt và có vòi vặn nước, 3 thùng phi này để vừa khít dưới sàn ghe làm chỗ ngồi, trong chứa nước ngọt và dầu chạy máy.

100 bịch gạo sấy mua tại chợ Kim Biên, 100 ký củ đậu mua ở chợ Cầu Muối.

Tất cả các thứ này được chuyển lên ghe trước chuyến đi 1 ngày. Tôi bảo Vinh đem ghe đậu không nhất định một chỗ, thường xuyên neo ở chợ Thị Nghè, chỗ ghe chở hàng lên xuống, bọn công an không kiểm soát được. Nhà ở cạnh bờ sông, rạch, không thể cột thuyền được,

bọn công an khu vực sẽ rò gáy ngay, chúng sẽ làm khó dễ để kiểm tiền, dễ dàng bị lộ. Nói chung làm chuyện này, hoàn toàn bất hợp pháp, chui từ đầu đến cuối. Phải



giữ bí mật càng ít người biết càng tốt. Chỉ một mình tôi quyết định mọi chuyện; từ ngày mua xong chiếc ghe, tóc tôi bỗng nhiên bạc trắng, vì lúc nào cũng suy nghĩ, tính toán, để qua mặt bọn cú vọ. Cậu em Trần Văn Vinh theo lệnh tôi hành động. Ngay việc bốc người để ra đi, chỉ một mình Vinh biết địa điểm rồi giao cho từng người đem xuồng nhỏ, chạy máy đuôi tôm đến mỗi điểm hẹn, các xuồng này là taxi chở vài ba người đến ghe chính, tôi luôn luôn áp dụng yếu tố bất ngờ mới qua mặt được tụi công an.

## **5- RA ĐI RỒI TRỞ VỀ.**

Một hôm Vinh lên bờ cho tôi biết, vừa bị tàu tuần bắt giữ, chúng đánh đập tra khảo rất dã man 2 người lái ghe là Vinh và Hoàng Văn Hàn. Em Hàn mới 12 tuổi, rất thuộc đường sông vì theo ghe chạt củi từ sau tháng 4 đen. Hơn 4 năm đi lại từ Saigon đến Vũng Tàu, ngộ



ngách nào cũng biết. Bọn tàu tuần nghi ngờ chiếc ghe là ghe taxi đưa người đến tàu chính để vượt biên, nhưng Vinh, Hàn một mực khai là nhà nghèo chỉ đi chặt củi về bán để sinh sống, cuối cùng phải cho chúng 2 can dầu, bọn chúng mới thả ra. Được cấp báo các sự việc, như vậy chúng đã nghi ngờ, tôi quyết định nhổ neo khẩn cấp. Thuyền ra khỏi Vũng Tàu đúng ngày 23 Tết năm 1980, gặp gió chướng, tất cả say sóng nằm la liệt. Toán lái thuyền “ngát ngu” hết vì các chú em này chưa hề đi lính, chỉ có một mình tôi còn tỉnh táo, tôi đành phải cho ghe quay về. Lương thực còn nguyên chưa ăn uống gì cả, đến khúc sông Saigon thì trời đã sáng trưng, lúc đó là khoảng 7 giờ sáng, tôi cho ghe đậu tại bến đò Long Kiểng, quận tư, Khánh Hội. Số người trên ghe lên bờ an toàn, không một ai bị làm khó dễ. Vinh đem thuyền đi dấu chỗ khác. Bến đò Long Kiểng là nơi lên xuống hàng hoá, trái cây từ vùng 4 đem về giao cho các bạn hàng ở Saigon, rất đông đúc, nhộn nhịp.

Có 3 địa điểm lý tưởng cho việc tổ chức vượt biển bằng ghe thuyền là:

Chợ Thị Nghè, đối diện là chuồng voi, Sở Thú. Nơi đây lúc nào cũng tấp nập, kẻ lên người xuống, ghe thuyền chờ hàng hoá neo chặt cả một khúc rạch Nhiêu Lộc, công an khu vực không kiểm soát gắt gao như xóm nhà dân.

Bến đò Long Kiểng, quận 4 Khánh Hội, cũng nhộn nhịp không kém chợ Thị Nghè, công an khu vực đi lại nhưng là để kiếm ăn cò con, bạn hàng “thí” cho vài trái cây, xấp bánh tráng.

Chợ Cầu Muối, nơi này xô bồ, bạn hàng chửi thề inh ỏi, đặc biệt công an khu vực không “héo lánh” vì dân hàng chợ là thứ dữ nhất Saigon. Tôi mua một tạ củ đậu ở đây, đem lên ghe thoải mái.

3 địa điểm này để neo ghe, lên xuống các thứ cần thiết cho chuyến đi, bọn công an khó theo dõi, bạn hàng không để ý đến người chung quanh.

Trong thời gian tính toán, sắp xếp cho chuyến bóc người, tôi đã la cà khắp hang cùng ngõ hẹp để xem chỗ nào, nơi nào thuận tiện, nhất là tránh sự để ý của bọn công an. Nghiên cứu, điều nghiên, cuối cùng quyết định các địa điểm mà không có ai để bàn bạc, tham khảo, ngay như vợ tôi cũng không hề được biết những tính toán, những quyết định của tôi. Lúc di chuyển, chạy Honda màu đỏ của vợ tôi, mặc bộ đồ đen, đội nón cối, dắt khẩu K54; khẩu súng này không dám để ở nhà, vì chúng kiểm soát hộ khẩu mà thấy được thì ông bà già bị liên đới trách nhiệm; giọng nói và các từ sử dụng, hoàn toàn là giọng Bắc Kỳ 75 khi phải nói chuyện với bọn công an Phường Khóm, nhìn bộ dạng ai cũng nghĩ là tôi mới từ ngoài Bắc vào Saigon.

Con cháu thành đạt đúng theo ý mình khi tôi đã liều chết mua ghe đem cả gia đình ra đi ngay trên sông Saigon, tôi thật sự mãn nguyện, cộng thêm 40 người đi chung, trong khi tôi không có một chút kinh nghiệm gì về biển cả, tôi chỉ là một Sĩ Quan Bộ Binh thuần túy, nếu bị bọn vেম vò thì cũng không có ngày ra khỏi tù. Tóc tôi bạc trắng từ lúc quyết định mua ghe để tìm đường sống, lúc nào đầu óc cũng phải tính toán làm sao qua mặt được tụi công an phường, khóm. Khoảng thời gian này, đầu năm 1980, bọn chúng còn kiểm soát rất gắt gao, công an khu vực luôn luôn dòm ngó theo dõi nhà dân. Nhiều người đã yêu cầu tôi viết lại câu chuyện vượt biển tìm tự do ngay tại Thủ Đô Saigon. Lúc đầu mới đến Đức tôi không nói với bất cứ ai, dù là bạn bè thân thiết, vì viết và kể lại sợ ảnh hưởng đến những người cũng định làm như tôi, phải quyền biết được sẽ dễ

dàng tóm trọn ổ. Thời buổi này phong trào vượt biên không còn nữa, nên hôm nay tôi sẽ kê chi tiết, nhất là cách qua mặt bọn công an cú vọ từ lúc mua chiếc ghe, ráp máy, cho đến lúc rời Saigon. Đặc biệt, như đã nói ở trên, tôi chẳng có một chút kinh nghiệm gì về biển cả nên đã ra khỏi Vũng Tàu lại phải quay về 2 lần vì sóng to gió lớn. Lần đầu lược thuật ở trên, vào ngày 23 Tết, lợi dụng dịp đón Tết, bọn Công An bận bịu với gia đình đón Năm mới, lơ là việc tuần tra trên sông, biển, nhưng hơi oi mùa Tết âm lịch hay có “gió chướng” mà dân thành phố như tôi không hề biết. Lần thứ 2, cũng ban ngày như lần thứ 1, bốc người công khai trên các điểm đã ấn định. Trạm cầu Tân Thuận, công an gác trên cầu, ghe taxi bốc 6 người ngay phía dưới, chạy đến chỗ ghe chính đang neo trong một con rạch rậm rạp. Đến bây giờ đã 37 năm, tôi năm chiêm nghiệm, việc tôi đưa được 45 người đến bên bờ tự do là do hồng phúc mà tôi được thừa hưởng từ người mẹ hiền hậu, đạo đức; nhất là có phép lạ trong 2 lần quay về; trời đã sáng trưng khi từ Vũng Tàu chạy về Saigon. 7 giờ sáng, trên ghe còn đầy đủ lương thực vì chưa ăn uống gì cả, khẩu K54 và 2 băng đạn cùng 3 trái Xi-nhan cũng để kín đáo trên ghe. Cả 2 lần không một ai bị làm khó dễ khi đổ người xuống để chờ đi lần thứ 3. Phải có người “che mắt” bọn công an mới không thấy chiếc ghe chở đầy người tấp vào chân cầu Calmet cho người xuống. Có lẽ tôi làm chuyện bất ngờ nên không ai nghĩ rằng đó là ghe vượt biên quay về. Tôi tin tưởng một sự huyền bí đã xảy ra mà khoa học không thể nào giải thích được, quay về lần thứ 2, ngày 08.02.1980, đúng ngày giỗ đầu Mẹ tôi. Trở về lần thứ nhất, tôi đã quyết định bỏ căn nhà trong khu cư xá Công Ty Cấp Nước (tên cũ là Saigon Thủy Cục), sợ công an khu vực để ý. Cả gia đình qua bên mẹ vợ

tôi ở nhờ vì nhà này nằm ngay mặt đường Xa Lộ Biên Hoà, ít ai để ý. Lúc quay về lần thứ 2, vì quá mệt mỏi, tôi đã ngủ thiếp đi, rồi như có tiếng gọi bên tai, dậy đi, hôm nay là giỗ đầu Từ Mẫu, tôi choàng tỉnh dậy và lấy Honda chở hết vợ con về bên Hoà Hưng, nhà của Bố tôi, đường Tô Hiến Thành, Quận 10, chỉ cách Bộ Chỉ Huy Biệt Động Quân Trung Ương Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa không tới 100 mét. Tôi cũng nói rõ, trong tâm thức tôi, hoàn toàn không nhớ ngày giỗ của mẹ tôi, mới đây mà đã đúng một năm, người mẹ mà tôi yêu quý nhất trở về với cát bụi, tôi đã quỳ trước di ảnh của từ mẫu, khẩn nguyện mẹ hiền phù hộ cho gia đình nhỏ của tôi đến được bến bờ tự do. Con gái lớn của tôi có một bút ký ghi lại tổng thể cuộc vượt biên tìm tự do của gia đình tôi, vì cháu không biết gì về việc tổ chức ra đi do tôi thực hiện. Quý bạn nào muốn có bút ký này, tôi sẽ gửi đến các bạn tường. Email: [lytrungtin.de@gmail.com](mailto:lytrungtin.de@gmail.com)

## 6- QUÁ TAM BA BẠN.

Hai lần trước đi ban ngày, dĩ nhiên bốc người cũng thanh thiên bạch nhật, lần thứ 3, quá tam ba bạn, đi ban đêm.

Dân thành phố từ nhỏ đến khi trưởng thành, không biết sông nước là gì, cho đến khi nhập ngũ, lội suối, lội sông thì cũng có để tao thanh Việt Cộng, nhưng kinh nghiệm đi biển thì không có tí nào, nên 2 lần đã khuất núi Vũng Tàu mà đành phải quay về, sóng to gió lớn, dựng đứng chiếc ghe giữa biển khơi, toán lái ghe toàn thanh niên, chưa hề dính đến “lính tráng”, say sóng nằm gục hết trơn, chỉ còn mình tôi “tỉnh táo” không bị say sóng, thế thì đi làm sao được nữa, tôi quyết định cho ghe quay về. Vì sóng đánh bung mũi ghe nên phải sửa chữa. Cho thuyền lên “ụ” tại cầu Rạch Ông, bọc tôn và

bắt bù lon, chi phí hết 2 lạng vàng lá, tôi thấy dân tình ở đây thật “đễ thương”, họ nhìn chiếc ghe là biết vừa “ra biển” trở về nhưng không hề “báo cáo” cho bọn công an khu vực. Một tuần nằm “ụ”, ghe được “hạ thủy”, Vinh lái thẳng về chợ Thị Nghè, sau đó đem ghe về khu cư xá Thanh Đa neo tại đó, nghỉ ngơi một tuần, tôi suy nghĩ và vạch ra kế hoạch đi lần thứ 3.

Trước chuyến đi lần thứ nhất, tôi chia số vàng lá còn lại làm 3 phần, gởi “tứ thân phụ mẫu” giữ dùm, trường hợp chúng tôi đi thoát, thì số vàng này để các vị sống dưỡng già, nếu bị bắt thì dùng số vàng này “chạy” cho tôi ra tù. “Tứ thân phụ mẫu” nay chỉ còn 3 vì mẹ tôi đã an nghỉ ngàn thu.

Giỗ đầu mẹ tôi xong, tôi cho vợ tôi ra Vũng Tàu, gặp vị thông gia làm nghề đánh cá, hỏi xem đi biển vào thời gian nào tốt nhất, vị thông gia cho biết, với cái ghe



đi trên sông như vậy, thì chỉ đi vào tháng 3 âm lịch tức tháng 4 dương lịch, các tháng khác sóng gió hãi hùng lắm, quả đúng như vậy. Thời gian biển êm, chắc chắn bọn tàu tuần sẽ kiểm soát gắt gao hơn, nên lại phải “tính toán” làm sao ra được biển an toàn mới hy vọng sống sót được. Đường sông Saigon-Vũng Tàu xa vời vợi, hai bên bờ chỉ toàn cây rừng âm u, (bọn công an có 2 chiếc tàu mã lực rất mạnh, thường xuyên chạy trên tuyến sông này để kiểm soát và làm tiền người dân lành sống bằng nghề chuyên chở hàng hoá từ vùng 4 về Thủ Đức) rất nhiều các rạch nhỏ dễ dàng cho ghe vào trốn bọn tàu tuần. Vợ con tôi và vợ Vinh lên ghe chính tại chợ Thị Nghè, chạy ra neo dưới chân nhà hàng nổi Mỹ Cảnh, cạnh bên phà Thủ Thiêm, để chờ các xuồng taxi đem người đến. Trong nửa giờ là đủ số người, thuyền nhỏ neo khởi hành, trên nhà hàng và cạnh bờ sông, người ta vẫn ăn nhậu, nói cười ồn ào, chắc chắn không ai ngờ có một chiếc ghe chở 45 người xuất phát ngay nơi này để ra biển tìm tự do. Đó là lúc 20 giờ ngày 26.04.1980.

Lần này, tôi áp dụng chiến thuật như khi đi hành quân diệt Việt Cộng, Vinh và Hàn làm “khinh binh tiền sát” chạy trước cách ghe chính khoảng 1 hải lý, bằng xuồng tam bản chạy máy đuôi tôm, loại này chạy rất nhanh, khi thấy tàu tuần lập tức quay về và báo hiệu bằng đèn Pin, 2 dài 1 ngắn là có địch, ghe chính phải rẽ ngay vào con rạch nhỏ gần nhất để trốn chúng, nhiều lần như vậy, ghe chúng tôi mới đến được cửa biển Vũng Tàu. Lúc này trời đã hừng đông, không thể ra biển giờ này, phải chạy vào bãi cát vàng ẩn nấp trong đó. “Bãi cát vàng” là một địa danh nằm sát chân núi Vũng Tàu, cây cối khá rậm rạp, đợi 2 giờ sáng cùng khởi hành ra biển với các ghe đánh cá, giờ giấc người dân ra khơi, chúng tôi đã “nắm rõ”, cả trăm chiếc thuyền đổ ra biển,



ghe chúng tôi lẫn lộn trong đó.

Vừa chạy được hơn nửa tiếng, thì gặp giàn dáy, ngang với phao số không. Vinh cho biết phải tránh dàn dáy, coi chừng vướng vào, lưới cá quấn chặt chân vịt thì vô phương đi được. Đúng lúc này, một tàu tuần của Việt Cộng chiếu đèn pha quét ngang ghe chúng tôi, trước đó tôi đã bắt mọi người chui hết vào khoang, không được nói chuyện lớn tiếng, theo sự tính toán và với tốc độ của chiếc ghe, thì khoảng 10 giờ sáng là ra đến “hải phận quốc tế”, tức đường tàu buôn, lúc đó lấy hướng Nam, chạy khoảng một ngày một đêm, bẻ hướng Đông để vào bờ biển Mã Lai Á. Trên tám Hải Đồ, tôi đã vẽ và viết rõ ràng để các người lái ghe theo đó thi hành, cũng nói thêm ở đây, sau 2 lần trở về, tôi nghĩ là phải có một Sĩ Quan Hải Quân mới có thể đi được nên tôi đã đi tìm người Sĩ Quan này, tôi được một người quen giới thiệu một Sĩ Quan Hải Quân mới đi tù cải tạo về, tôi chỉ cần người lái ghe, việc đi đứng do tôi vẽ phóng đồ, sắp xếp và chỉ huy. Không ngờ vị này là Thiếu Úy Hải Quân mà tính một hải lý bằng một cây số nên đã bẻ lái quá sớm, đúng vào cái vùng mà bọn hải tặc đang hoành hành, tôi chỉ nói nhỏ cho vợ tôi biết điều này, sợ cả ghe xôn xao, mất bình tĩnh. Sau này tôi mới biết, anh Trần Duy Bút là Hạ Sĩ Quan được cho đi học khoá Sĩ Quan Đặc biệt nên trình độ hiểu biết có giới hạn, tôi cho Bút đi theo không phải đóng góp tiền bạc gì cả. Hơn 10 giờ sáng, ngày 28.04.1980, gặp ngay một tàu dầu của Panama rất lớn, chạy cách ghe chúng tôi không tới 100 mét, trông rõ mồn một những người trên boong tàu Panama. Giữa ban ngày ban mặt như vậy, Trần Duy Bút lấy một trái sáng thụt lên trời, tôi giận quá, chỉ nói mấy trái xi-nhan dùng cho buổi tối khi cần cấp cứu mới xài, ban ngày thấy rõ ràng như bây giờ đâu cần phải bắn trái sáng cấp

cứ, Bút có lẽ đã biết cái sai của mình nên im lặng, tôi cũng nguôi ngoai cơn giận. Chạy về hướng Nam, giữ và theo đường tàu buôn, cả ngày, chúng tôi gặp thêm 3 chiếc tàu sắt rất lớn, nhưng chúng bỏ chạy luôn, chẳng giúp hay vớt chúng tôi. Đến giữa trưa, trời nắng chang chang, tôi cho neo ghe để tắm biển, tất cả các chú biết lợi đều nhảy xuống biển tắm thoải mái, nước và lương thực vẫn còn đủ để đi trong một tuần nữa. Đúng là “tháng ba bà già” đi biển, mặt biển êm như nước hồ thu, đi vào tháng 3 âm lịch rất dễ bị tóm ngay cửa biển, tàu công an lúc nào cũng có mặt.

Chạy thêm hai ngày, gặp vài chiếc tàu sắt, và một số ghe đánh cá, tất cả đều làm ngor dù chúng tôi đã làm đủ mọi động tác xin cấp cứu, chỉ duy nhất một ghe đánh cá của Singapore đã cho chúng tôi 2 thùng bánh bích quy và một can nước ngọt. Bỗng lúc 10 giờ 47 phút sáng ngày 01.05.1980, một chiếc trực thăng bay lượn quanh ghe chúng tôi và ra dấu cho ghe chạy về hướng Tây. Tôi xem Hải bản, ra lệnh tắt máy ghe và thả trôi, vì hướng Tây là hướng chạy về lại Việt Nam...chỉ khoảng nửa



tiếng sau, một chiếc tàu sắt rất lớn lù lù xuất hiện, bên hông sơn hàng chữ tiếng Pháp PORT DE LUMIERE - đảo Ánh Sáng, trên boong tàu, có người Việt bắc loa chỉã xuống ghe, bảo tất cả phải bình tĩnh, đây là con tàu CAP ANAMUR sẽ vớt đồng bào, tôi ra lệnh, chia ra hai bên ghe để ngồi tránh nghiêng một bên có thể lật ghe, rồi đàn ông, thanh niên được đưa lên tàu Cap Anamur bằng những thang giầy, đàn bà, con nít thì được cần câu võng lên, đây là ngày giờ mà cả 45 người sẽ nhớ ơn suốt đời: 10 giờ 47 phút ngày Quốc Tế Lao Động 01.05.1980, chiếc tàu CAP ANAMUR đã cứu sống chúng tôi.

Tàu Cap Anamur chạy dọc theo bờ biển Việt Nam để tìm ghe vượt biển, mỗi ngày vớt được một ghe, 12 ngày vớt được 12 ghe, tổng cộng 474 người. Tôi được đưa đến gặp vị thuyền trưởng Cap Anamur và tặng ông khẩu K54 và 2 băng đạn. Ông cảm ơn và chúc tôi gặp may mắn trong cuộc sống mới.

Ngày 12.05.1980, Cap Anamur đem số người được vớt gởi tại Singapore, chúng tôi ở trại tạm cư trên đường Hawkins một tháng 28 ngày. Ngày 09.07.1980, được đưa qua sống tại West-Germany bằng máy bay. Cũng xin nói thêm, Cao Ủy Tị nạn Liên Hiệp Quốc, phát cho mỗi người 2.50 Đô la Singapore, một tuần phát một lần, tất cả tự túc nấu ăn. Vị Trại Trưởng là một Trung Tá Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà, đã cho mời tôi lên Văn Phòng trại làm việc giúp đồng bào. Mặc dù chưa hoàn hồn, nhưng tôi cũng sốt sắng và vui vẻ nhận lời. Ông Trại Trưởng giao cho tôi làm Trưởng Ban Nội Vụ, còn Nguyễn Hữu Huân, một phi công trực thăng Việt Nam Cộng Hoà đang giữ chức Trưởng ban Ngoại vụ vì Huân rất giỏi tiếng Anh, đã từng qua Mỹ học lái máy bay. Nhà Huân ở trước rạp hát Thanh Vân, đường Lê Văn Duyệt, rất gần nhà bố tôi, đường Tô Hiến Thành, hồi

nhỏ tôi và Huân đều học trường Tiểu học Chí Hoà. Người Singapore rất giàu và có lòng thương người, hàng tuần họ đã đem đến trại cho rất nhiều quần áo và đồ ăn, mỗi lần cả bao bố lạt xường, tôi phải điều động một số thanh niên khuôn vác các tặng phẩm đem chắt vào kho, mỗi ghe nhập trại được tôi phân phát quần áo và thức ăn tồn trữ trong kho, cho đến lúc gia đình tôi đi định cư, hai kho quần áo và thức ăn vẫn còn rất nhiều, có lẽ vì được phát tiền, tự do mua bán nên số người trong trại không tha thiết với các vật dụng cho không chẳng? Sau này, đọc báo chí mới biết, trại Singapore là trại tị nạn thân tiên số 1, không đâu sánh bằng.

Năm 1981, trên truyền hình số 2 (ZDF) Đức đã chiếu một cuốn phim dài gần 1 giờ, cảnh tàu Cap Anamur vớt người tại Biển Đông, trong đó đã quay thật rõ cái ghe của chúng tôi. Cái cánh quạt của máy phụ đã bị gãy, nên người phóng viên nói là khó có thể đi đến bờ được. Tên



cuốn phim phóng sự là: (tiếng Đức, Einen Milimeter über dem Rand der Welt... Tiếng Việt, Một milimét qua bờ kia của thế giới), ý nói là chìm vào lòng biển không đến bến bờ, đặc biệt, 2 lần phóng viên đài Truyền hình đã đến quay cảnh sinh hoạt gia đình chúng tôi, tiêu biểu cho các người Việt Nam tị nạn Cộng Sản được tàu Cap Anamur cứu vớt, đã hội nhập và thành đạt tại nước Đức, đoạn phim này được chiếu trên đài truyền hình Quốc Gia Đức năm 2006 và 2008.

Gia đình nhỏ của tôi, lúc rời Saigon có 5 nhân khẩu, bây giờ, năm 2017, đã thành 15 người, tất cả sống hạnh phúc quây quần bên nhau trong một xã hội tự do, nhân bản tại thành phố Bochum, Germany.

(ghi lại để tưởng nhớ ơn cứu tử của vị đại ân nhân, Tiến Sĩ Rupert Neudeck)

**“Đừng nghe những gì Cộng Sản nói mà hãy nhìn kỹ những gì CS làm”**